

Bản án số: 119/2019/HS-ST
Ngày 05-9-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2019/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2019 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Mai Văn C, sinh năm 1993, tại Thanh Hóa; nơi thường trú: Thôn H, xã B, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn P, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965; bị cáo có 03 anh, chị, em, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1996; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 142/2017/HSST ngày 18/4/2017 của TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 (Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/10/2017; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2019 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Trần Anh T, sinh năm 1999; địa chỉ: Nhà trọ M, Khu phố 6, phường U, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; xin vắng mặt.
2. Bà Trần Thị Anh T, sinh năm 1980; xin vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Anh T, sinh năm 1986; xin vắng mặt.

4. Ông Trần Anh T, sinh năm 1988; xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 24, đường N, phường T, thành phố Buôn Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Trần Hữu S, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố 4, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt.

6. Ông Hà Huy H, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố 5, phường U, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

7. Ông Lê Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố 6, phường U, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vũ Quang L, sinh năm 1978; vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Thùy L, sinh năm 1986; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Văn C và ông Trần Anh T là bạn với nhau. Khoảng 14 giờ ngày 29/3/2019, Mai Văn C thuê xe ôm đi phòng trọ thuộc Khu phố 2, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến phòng trọ của ông Trần Anh T thuộc Khu phố 6, phường U, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để chơi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, C mượn điện thoại di động di động hiệu Itel, màu đen của ông T để gọi nhờ bạn đến chở C về. Do sim trong điện thoại hết tiền nên không gọi được, C vẫn giữ điện thoại mượn của ông T. Sau đó, C nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông T nên C nhờ ông T chở ra đường tìm xe ôm chở về nhà. Ông T dẫn xe mô tô biển số 47B2 - 125.49 ra thì C nói để C điều khiển xe thì ông T đồng ý và giao xe 47B2 - 125.49 cho C điều khiển, ông T ngồi phía sau xe. Khi đến cửa hàng điện thoại Hoàng S thì C dừng xe và lấy 20.000 đồng đưa cho ông T và nói ông T mua thẻ nạp vào điện thoại. Khi ông T đi vào cửa hàng điện thoại Hoàng S thì C điều khiển xe mô tô 47B2 - 125.49 bỏ chạy về hướng thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Mai Văn C đã cầm cố xe mô tô 47B2 - 125.49 cho ông Trần Hữu S lấy số tiền 6.000.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, ông S cầm cố xe mô tô 47B2 - 125.49 cho ông Hà Huy H lấy số tiền 3.000.000 đồng.

Sau đó, ông T trình báo với Công an phường U và nhờ ông Lê Văn C, chủ tiệm cầm đồ Thanh T là có ai đến chuộc giấy đăng ký xe mô tô 47B2 - 125.49 và chứng minh nhân dân của ông T thì thông báo cho ông T biết.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, Mai Văn C đến tiệm cầm đồ Thanh T gặp ông Lê Văn C để chuộc lại giấy đăng ký xe mô tô 47B2 - 125.49 và chứng minh nhân dân của ông T thì ông Lê Văn C thông báo cho ông T và

Công an phường U biết. Công an phường U mời Mai Văn C về trụ sở làm việc thì C khai nhận hành vi chiếm đoạt xe 47B2 - 125.49 của ông T.

Công an phường Uyên Hưng chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 105/KLTS - TTHS ngày 03/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Tân Uyên xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Tunus, màu nâu bạc, biển số 47B2 - 125.49, số khung C820GY005282, số máy E3Y8E005282, giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 26.200.000 đồng.

Cáo trạng số 106/CT-VKS-TU ngày 11/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Mai Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Mai Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Mai Văn C từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ các điều 46 và 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 0,0693 gam ma túy, loại Methamphetamine; 01 (Một) áo thun tay ngắn, màu xanh và 01 (Một) quần sort Jean, màu xanh.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Hữu S yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại số tiền 6000.000 đồng theo yêu cầu của ông S. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Mai Văn C phải trả cho ông S số tiền 6.000.000 đồng.

- Theo Kết luận giám định số 272/MT – PC09 ngày 04/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Mẫu tinh thể gửi đi giám định là ma túy, có trọng lượng: 0,0693 gam, loại Methamphetamine chưa đủ về trọng lượng theo quy định nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo không có ý định chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Intel, màu đen của ông Trần Anh T. Bị cáo giữ điện thoại của ông T chỉ là thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt chiếc xe mô tô của ông T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Trần Anh T trình bày: Cha của ông T tên Trần Hai T (đã chết) là chủ sở hữu xe mô tô biển số 47B2 - 125.49. Ông T có vợ là bà Nguyễn Thị T và có 04 người con gồm ông Trần Anh T, bà Trần Thị Anh T, bà Trần Thị Anh T và ông Trần Anh T. Khi còn sống ông T đã tặng cho ông T chiếc xe mô tô biển số 47B2 - 125.49. Ngày 29/3/2019, bị cáo Mai Văn C đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt xe mô tô biển số 47B2 - 125.49. Đối với điện thoại di động hiệu Intel, màu đen do ông Trần Anh T đưa

cho bị cáo mượn. Ông T không có ý định lấy lại điện thoại nêu trên nên không giao hẹn thời gian trả. Trường hợp bị cáo không trả lại điện thoại thì ông T cũng không đòi lại. Công an đã trả lại xe mô tô và điện thoại cho ông T nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm bà Nguyễn Thị T, bà Trần Thị Anh T, bà Trần Thị Anh T và ông Trần Anh T trình bày: Các ông, bà là vợ, con của ông Trần Hai T. Khi còn sống ông T đã tặng cho ông T chiếc xe mô tô biển số 47B2 - 125.49 cho nên các ông, bà không yêu cầu gì.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Hữu S trình bày: Ngày 29/3/2019, bị cáo C đến nhà nói muốn cầm cố xe mô tô 47B2 - 125.49 với giá 6.000.000 đồng. Ông S có hỏi C về nguồn gốc và giấy tờ xe thì C nói là xe của gia đình C, giấy tờ xe gia đình C đang giữ. Tin tưởng C nên ông S đồng ý cầm cố và giao cho C 6.000.000 đồng. Khoảng 22 giờ cùng ngày, ông S đã cầm cố xe mô tô 47B2 - 125.49 cho ông Hà Huy H với giá 3.000.000 đồng. Khi ông H hỏi về nguồn gốc và giấy tờ xe thì ông S nói là xe của gia đình ông S, giấy tờ xe gia đình ông S đang giữ. Ông S yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền 6.000.000 đồng.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hà Huy H trình bày: Khoảng 22 giờ ngày 29/3/2019, ông S điều khiển xe mô tô 47B2-125.49 đến nhà ông H và nói muốn cầm cố với giá 3.000.000 đồng. Khi ông H hỏi về nguồn gốc và giấy tờ xe thì ông S nói là xe của gia đình ông S, giấy tờ xe gia đình ông S đang giữ nên ông H đồng ý và đưa cho ông S 3.000.000 đồng. Ông S đã trả cho ông H số tiền 3.000.000 đồng nên ông H không yêu cầu gì.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn C trình bày: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, khi đang ngồi tại tiệm cầm đồ Thanh T thì có một thanh niên đến chuộc lại giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Anh T và giấy đăng ký xe mô tô biển số 47B2 - 125.49. Ông C nhớ lại việc ông T nhờ nếu có ai đến chuộc tài sản mà ông T đã cầm cố thì thông báo cho ông T cho nên đã gọi điện báo cho Công an phường U và ông T. Ông C đã nhận lại số tiền cầm cố nên không yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra, người làm chứng ông Vũ Quang L trình bày: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, ông L chở một người thanh niên đến tiệm cầm đồ Thanh T. Sau đó, ông L thấy có 02 cán bộ Công an tới đưa người thanh niên này về trụ sở Công an làm việc.

Quá trình điều tra, người làm chứng bà Lê Thị Thùy L trình bày: Khoảng 18 giờ 20 phút, ngày 29/3/2019 bà L đang ở cửa hàng điện thoại di động Hoàng S thì thấy có một người thanh niên hỏi mua thẻ cào Vietnam Mobie mệnh giá 20.000 đồng. Sau đó người thanh niên này đi bộ sang bên kia đường để ra về.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo Mai Văn C đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo Mai Văn C khai nhận hành vi gian dối chiếm đoạt của ông Trần Anh T chiếc xe mô tô biển số 47B2 - 125.49 như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo trước sau thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận:

Vào ngày 29/3/2019, bị cáo Mai Văn C đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt của ông Trần Anh T chiếc xe mô tô biển số 47B2 - 125.49 trị giá 26.200.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng*). Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, vì mục đích tư lợi, thái độ coi thường pháp luật mà cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, Cáo trạng số 106/CT-VKS-TU ngày 11/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Mai Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét thấy hành vi của bị cáo không những xâm phạm quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ; đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Trần Anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Ông Trần Hữu S yêu cầu Mai Văn C phải bồi thường số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 6.000.000 đồng theo yêu cầu của ông S. Căn cứ vào Điều 347 và 351 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Trần Hữu S số tiền 6.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào các điều 46 và 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Đối với 0,0693 gam ma túy, loại Methamphetamine; một áo thun tay ngắn, màu xanh và một quần sort Jean, màu xanh là những vật chứng không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo nhưng không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo bị kết án và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 106, 135, 136, 260, 268, 269, 298, 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 174; các điều 46 và 47; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

- Các điều 351, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Mai Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Mai Văn C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **30/3/2019**.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Mai Văn C phải bồi thường cho ông Trần Hữu S số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm: 0,0693 gam ma túy, loại Methamphetamine; một áo thun tay ngắn, màu xanh và một quần sort Jean, màu xanh.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11-7-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Mai Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

6.1 Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6.2 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền